

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 72/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh về cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 11/TTr-SGTVT ngày 10/3/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh năm 2020, bao gồm: đường huyện (ĐH), đường xã (ĐX), đường loại A và loại B, với nội dung chính sau:

TT	Địa phương	Quy mô sửa chữa, mở rộng				Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)	
1	Huyện Hoài Ân	0,450	0,845	10,150	12,430	4.882,10
2	Huyện An Lão	4,450	5,260	2,942	2,382	5.114,18
3	Huyện Hoài Nhơn	0,800	14,260		13,005	8.266,85
4	Huyện Phù Mỹ		15,905	7,216		5.658,86
5	Huyện Phù Cát			2,100	4,096	1.158,32
6	Thị xã An Nhơn	0,516	28,613	3,730	1,632	12.770,28
7	Huyện Tuy Phước	0,000	14,270	2,050	5,532	5.585,25
8	Huyện Tây Sơn				12,881	2.189,77
<b>Tổng cộng</b>		<b>6,216</b>	<b>79,153</b>	<b>28,188</b>	<b>51,958</b>	<b>45.625,61</b>

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** UBND các huyện, thị xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Tuy Phước, An Lão, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- Cty cổ phần BICEM;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Cao Thắng**

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI ÂN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)			
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,45</b>	<b>0,85</b>	<b>10,15</b>	<b>12,43</b>		<b>4.882,10</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Ân Nghĩa</b>	-	-	<b>0,500</b>	<b>1,600</b>		<b>382,000</b>	
1	Tuyến từ nhà bà Được đến hồ Đồng Quang (nối tiếp)				0,800	170	136,00	
2	Tuyến từ nhà ông Tuấn đến sông Hiệp Định (nối tiếp)			0,500		220	110,00	
3	Tuyến từ cầu ông Kiểm đến nhà ông Dũng				0,800	170	136,00	
<b>II</b>	<b>Xã Ân Tường Tây</b>	-	-	<b>4,400</b>	<b>2,860</b>		<b>1.454,200</b>	
1	Tuyến từ nhà Thiện - trường tiểu học				0,150	170	25,50	
2	Tuyến từ nhà ông Hoàng - trường tiểu học				1,500	170	255,00	
3	Tuyến từ ĐT 630 - nhà ông Vinh			1,500		220	330,00	
4	Tuyến từ nhà ông Xúng đến nhà ông Thử				0,310	170	52,70	
5	Tuyến từ ĐT 630 - nhà ông Thành				0,300	170	51,00	
6	Tuyến từ ĐT 630 - nhà ông Cường			1,200		220	264,00	
7	Tuyến từ nghĩa trang - nhà ông Hùng			0,200		220	44,00	
8	Tuyến từ nhà bà Trị - nhà bà Nay				0,400	170	68,00	
9	Tuyến từ nhà ông Hòe- nhà ông Đồng				0,200	170	34,00	
10	Tuyến từ ĐT 638 - nhà ông Danh			1,500		220	330,00	
<b>III</b>	<b>Xã Ân Tín</b>	-	-	<b>4,650</b>	<b>2,400</b>		<b>1.431,000</b>	

1	BTXM tuyến Năng An - Đại Định			0,500		220	110,00
2	BTXM tuyến Đình - Vĩnh Đức			0,800		220	176,00
3	BTXM tuyến từ ngã ba ông Học đến Suối Le			3,250		220	715,00
4	BTXM tuyến vào chợ Đồng Dài			0,100		220	22,00
5	BTXM tuyến xóm 6				1,000	170	170,00
6	BTXM tuyến xóm 1				1,100	170	187,00
7	BTXM tuyến Đồng Quang				0,300	170	51,00
<b>IV</b>	<b>Xã Ân Thạnh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,350</b>		<b>229,500</b>
1	Tuyến từ đền thờ Tăng Bạt Hổ đến ngã ba nhà ông Đủ				0,750	170	127,50
2	Tuyến từ ngõ nhà ông Đỗ Năm đến ngõ nhà bà Thủy				0,600	170	102,00
<b>V</b>	<b>Xã Ân Hảo Tây</b>	<b>0,450</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,230</b>		<b>237,100</b>
1	Tuyến đường liên xã từ trường cấp 2 Ân Hảo Tây - cầu bản	0,450				440	198,00
2	Tuyến từ đường lớn ra soi				0,230	170	39,10
<b>VI</b>	<b>Xã Ân Hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,600</b>	<b>-</b>		<b>132,000</b>
1	BTXM tuyến đội 4 đi đội 5 thôn Phú Văn 1			0,600		220	132,00
<b>VII</b>	<b>Xã Ân Tường Đông</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,600</b>		<b>442,000</b>
1	Nâng cấp BTXM đã xuống cấp thôn Vĩnh Viễn (đoạn từ nhà ông Nam đến nhà ông Vương)				0,600	170	102,00
2	Nâng cấp BTXM đã xuống cấp thôn Vĩnh Viễn (đoạn từ nhà ông Quang đến nhà ông Trục)				0,500	170	85,00
3	BTXM từ đường ĐT 638 đến nhà ông Phước				0,500	170	85,00
4	BTXM từ nhà ông Ngọc đến nhà ông Đoàn Hường				0,500	170	85,00
5	BTXM từ nhà ông Mót đến nhà ông Định				0,500	170	85,00

<b>VIII</b>	<b>Xã Ân Sơn</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,500</b>		<b>85,000</b>	
1	BTXM từ cổng chào thôn 1 đến nhà ông Đinh Văn Vân				0,500	170	85,00	
<b>IX</b>	<b>Xã Ân Đức</b>	<b>0,000</b>	<b>0,845</b>	<b>0,000</b>	<b>0,890</b>	<b>740,000</b>	<b>489,300</b>	
1	BTXM tuyến từ cổng thôn văn hóa Gia Trị đến nhà ông Phạm Văn Thanh		0,845			400	338,00	ĐX
2	Tuyến từ đường BT - nhà bà Minh				0,470	170	79,90	
3	Tuyến từ đường tây tỉnh - nhà ông Phước				0,420	170	71,40	

**PHỤ LỤC 2**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN AN LÃO**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (tấn/km)	Lượng xi măng hỗ trợ (tấn)	Ghi chú
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)			
<b>Tổng cộng</b>		<b>4,45</b>	<b>5,26</b>	<b>2,94</b>	<b>2,38</b>		<b>5.114,18</b>	
<b>I</b>	<b>Xã An Hòa</b>	<b>0,000</b>	<b>1,200</b>	<b>1,300</b>	<b>0,000</b>		<b>766,000</b>	
1	Nâng cấp đường bê tông từ ĐT.629 đến cầu Gò Dài (thôn Vạn Khánh)		0,700			400	280,00	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Long Hòa - Hưng Nhượng (đoạn nối tiếp)		0,500			400	200,00	
3	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội bộ thôn Xuân Phong Nam, Xuân Phong Bắc và Long Hòa			1,300		220	286,00	
<b>II</b>	<b>Xã An Tân</b>	<b>0,000</b>	<b>0,543</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>217,200</b>	
1	Mở rộng đường liên thôn Thanh Sơn (đoạn nối tiếp)		0,543			400	217,20	
<b>III</b>	<b>Xã An Nghĩa</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>1,000</b>		<b>170,000</b>	
1	Sửa chữa tuyến đường bê tông thôn 4 đi thôn 5 bị hư hỏng				1,000	170	170,00	
<b>IV</b>	<b>Xã An Trung</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,150</b>		<b>25,500</b>	
1	Sửa chữa đường bê tông GTNT từ đường liên xã đến nhà ông Kiên				0,150	170	25,50	
<b>V</b>	<b>Thị trấn An Lão</b>	<b>0,000</b>	<b>3,079</b>	<b>1,642</b>	<b>1,232</b>		<b>1.802,280</b>	

1	Đường từ nhà ông Đông đến nhà ông Mười (thôn Hưng Nhơn)		0,570			400	228,00	
2	Đường từ nhà bà Lục đến giáp nương (thôn Hưng Nhơn)			0,590		220	129,80	
3	Đường từ nhà ông Thao đến nhà ông Tràng (thôn Hưng Nhơn)				0,422	170	71,74	
4	Ngã ba nhà ông Hoạn đến giáp đường ĐT 629 (thôn Hưng Nhơn)			0,200		220	44,00	
5	Đường từ nhà ông Phán đến nhà ông Xuân (thôn Hưng Nhơn)				0,308	170	52,36	
6	Đường từ nhà bà Bộ đến giáp nương (thôn Hưng Nhơn Bắc)			0,300		220	66,00	
7	Đường từ nhà ông Tuấn đến giáp nương (thôn Hưng Nhơn Bắc)			0,150		220	33,00	
8	Đường từ ngã ba Công an đến giáp sông Vố (thôn 2)		0,753			400	301,20	
9	Đường từ nhà ông No đến đồng Vố mới (thôn 2)			0,402		220	88,44	
10	Đường từ quán Dung Quân đến cầu MangGhen (thôn 7)		1,476			400	590,40	
11	Đường từ cầu Sông Đỉnh đến giáp ngã ba nhà ông Chí (thôn Gò Bù)				0,502	170	85,34	
12	Đường từ nhà văn hóa Thôn 9 đến ngã tư (thôn 9)		0,280			400	112,00	
<b>VI</b>	<b>Các tuyến đường huyện do Ban QLDA ĐTXD huyện thực hiện</b>	<b>4,450</b>	<b>0,438</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>2.133,200</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn xã An Tân	2,100				440	924,00	

2	Nâng cấp tuyến đường liên xã An Tân đến xã An Quang (Đoạn nối tiếp)	2,350				440	1.034,00	
3	Khu thương mại, dịch vụ và dân cư Đồng Bàu xã An Hòa, huyện An Lão (Đợt 1 của giai đoạn 2) đường giao thông nội bộ		0,438			400	175,20	



**PHỤ LỤC 3**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)			
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,80</b>	<b>14,26</b>	<b>0,00</b>	<b>13,01</b>		<b>8.266,85</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Hoài Đức</b>	<b>0,000</b>	<b>0,150</b>	<b>0,000</b>	<b>2,860</b>		<b>546,200</b>	
1	Tuyến từ đường liên xã Hoài Đức - Hoài Mỹ (Đồi bà Lê) đến trục sở HTXNN Định Bình cũ				1,00	170,00	170,00	
2	Đường bê tông thôn Lại Khánh Nam từ UB xã - cầu đập Lại Giang				1,00	170,00	170,00	
3	Tuyến từ QL.1 Diễn Khánh - thôn Lại Đức				0,86	170,00	146,20	
4	Tuyến từ ĐT.630 - Trường Mầm Non Hoài Đức		0,150			400,00	60,00	
<b>II</b>	<b>Xã Hoài Hương</b>	<b>0,000</b>	<b>1,880</b>	<b>0,000</b>	<b>0,120</b>		<b>772,400</b>	
1	Tuyến đường trước nhà ông Trần Văn Nhanh thôn Thiện Đức Bắc				0,12	170,00	20,40	
2	Tuyến đường từ Bản tin (N.A) đến nhà văn hóa thôn Nhuận An		0,72			400,00	288,00	
3	Tuyến đường ngã 3 Thụ đến giáp đường ĐT.639 mới		0,50			400,00	200,00	
4	Tuyến đường từ ngã 3 nhà Mới đến ngã 3 nhà Chọn		0,66			400,00	264,00	
<b>III</b>	<b>Xã Hoài Tân</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>1,370</b>		<b>232,900</b>	
1	Tuyến đường Xóm 4 - Xóm 5 Giao Hội 1				0,23	170,00	39,10	

2	Tuyến đường Xóm 3 - Xóm 4 Đê Đức 1				0,43	170,00	73,10	
3	Tuyến đường xóm 7, Giao Hội 2				0,55	170,00	93,50	
4	Tuyến đường xóm 5, Giao Hội 1				0,16	170,00	27,20	
<b>IV</b>	<b>Xã Hoài Hảo</b>	<b>0,000</b>	<b>1,678</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>671,200</b>	
1	Mở rộng và nâng cấp tuyến đường từ Trụ sở thôn Hội phú đến Cầu Phú sơn		0,578			400,00	231,20	
2	Mở rộng và nâng cấp tuyến đường từ nhà Trọng đến xóm Phú Thương		0,60			400,00	240,00	
3	Mở rộng và nâng cấp tuyến đường từ nhà Trọng đến Trường xóm phú sơn 1		0,50			400,00	200,00	
<b>V</b>	<b>Xã Hoài Thanh Tây</b>	<b>0,800</b>	<b>7,180</b>	<b>0,000</b>	<b>2,795</b>		<b>3699,150</b>	
1	Tuyến từ trường mầm non Tài Lương 3 đến nhà Trương Quang Cường Tài Lương 4				1,07	170,00	181,90	
2	Tuyến từ nhà Huỳnh Hùng đến ngã tư phòng Tuyến thôn Ngọc An Trung				0,60	170,00	102,00	
3	Tuyến từ ngã ba nhà Thương đến đường ao trường thôn Ngọc Sơn Nam				1,13	170,00	191,25	
4	Tuyến từ Quốc lộ 1A đến đường ĐT 638 thôn Ngọc An Tây		1,40			400,00	560,00	
5	Tuyến từ giáp xã Tam Quan Nam (Bình Phú) đến trường mầm non Tài Lương 3		3,800			400,00	1.520,00	
6	Tuyến từ Quán Nông đến Quốc lộ 1A thôn Ngọc An Trung		0,660			400,00	264,00	
7	Tuyến từ Quốc lộ 1A đến cụm Công nghiệp Ngọc Sơn	0,800				400,00	352,00	
8	Tuyến từ nhà Phải đến ngã tư Chợ Ngọc Sơn		1,320			400,00	528,00	
<b>VI</b>	<b>Xã Hoài Xuân</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>5,860</b>		<b>996,200</b>	

1	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Văn Lợi ( Thôn Thái Lai) đến giáp An Dinh xã Hoài Thanh				2,06	170,00	349,35	
2	Tuyến đường từ trường Mẫu giáo ( Thôn Hòa Trung 2) đến Bầu điện ( Thôn Hòa Trung 1)- Cây xăng ( Thôn Thuận Thượng 2)				2,01	170,00	341,53	
3	Tuyến đường từ Nhà văn hóa thôn (Thôn Thuận Thượng 1) đến giáp Chùa minh thuận				0,61	170,00	103,19	
4	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Thanh Thế đến nhà Cao Thị Thuận ( Thôn Thuận Thượng 1)				0,38	170,00	65,11	
5	Tuyến đường từ nhà Phan Thị Đành đến nhà Trần Thị Thiết ( Thôn Thuận Thượng 1)				0,16	170,00	27,71	
6	Tuyến đường từ Đường bê tông đến nhà Lê Yên ( Thôn Song Khánh)				0,40	170,00	67,32	
7	Tuyến đường từ Nhà văn hóa thôn (Thôn Thuận Thượng 2) đến nhà Nguyễn Ngọc Rân				0,25	170,00	41,99	
<b>VII</b>	<b>Xã Tam Quan Nam</b>	<b>0,000</b>	<b>2,212</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>884,800</b>	
1	Tuyến từ ngã ba Cừ Lợi Nam-Nhánh giữa Kho		1,45			400,00	580,80	
2	Tuyến từ ngã tư ông Hiến - ngã ba ông Tranh		0,20			400,00	80,00	
3	Tuyến từ ngã tư ông Hiến - Giáp thôn Bình Phú, xã Hoài Thanh Tây		0,56			400,00	224,00	
<b>VIII</b>	<b>Xã Tam Quan Bắc</b>	<b>0,000</b>	<b>1,160</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>464,000</b>	
1	Tuyến đường BTXM từ ngã 3 UBND xã đến giáp đường QL1A- Gò Dài thôn Dĩnh Thạnh.		1,160			400,00	464,00	

**PHỤ LỤC 4**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÙ MỸ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)			
<b>Tổng cộng</b>			<b>15,905</b>	<b>0,000</b>	<b>4,990</b>		<b>5.658,860</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Mỹ Tài</b>		<b>0,430</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>79,550</b>	
1	Mở rộng đường nội bộ khu dân cư Dẹo Hòn Than		0,430			185	79,550	
<b>II</b>	<b>Xã Mỹ Đức</b>		<b>0,500</b>	<b>0,000</b>	<b>1,800</b>		<b>506,000</b>	
1	Sửa chữa tuyến nhà ông Phong đi Cầu Muong Lò				0,900	170	153,000	
2	Sửa chữa tuyến nhà ông vũ đi nhà ông Thanh				0,900	170	153,000	
3	Nâng cấp, Sửa chữa tuyến nhà ông Mạnh đến bến đình		0,500			400	200,000	
<b>III</b>	<b>Xã Mỹ Thắng</b>		<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,270</b>		<b>45,900</b>	
1	Sửa chữa tuyến nhà ông Niên đến giáp đường ĐT.639				0,270	170	45,900	
<b>IV</b>	<b>Xã Mỹ Cát</b>		<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>1,200</b>		<b>204,000</b>	
1	Sửa chữa Tuyến BTXM từ dốc ký đến công chợ				1,200	170	204,000	
<b>V</b>	<b>Xã Mỹ Chánh Tây</b>		<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>1,200</b>		<b>204,000</b>	
1	Sửa chữa Tuyến từ ĐT 632 đi hồ Chòi Hiền				1,200	170	204,000	
<b>VI</b>	<b>Xã Mỹ Trinh</b>		<b>4,524</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.809,600</b>	

1	Nâng cấp Đường Cây xăng Trinh Vân Nam đến Đường sắt		1,565			400	626,000	
2	Nâng cấp Đường Ngã tư nhà bà Thặng đến Đường tránh QL1A		1,130			400	452,000	
3	Nâng cấp Đường Nhà máy gạo cũ của ông Hòa đến Giáp hành hàng lang QL1A		1,829			400	731,600	
<b>VII</b>	<b>Xã Mỹ An</b>		<b>3,665</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.466,000</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa BTXM Xuân Phương ĐT 639 - Giáp Mỹ Thắng		2,700			400	1080,000	
2	Nâng cấp, sửa chữa BTXM Xuân Phương - Xuân Thạnh		0,965			400	386,000	
<b>VIII</b>	<b>Xã Mỹ Lợi</b>		<b>3,500</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>647,500</b>	
1	Mở rộng BTXM tuyến từ Trạm Bơm Chánh Khoan đi giáp Thị Trấn Bình Dương		2,000			185	370,000	
2	Mở rộng BTXM từ ĐT.632 đi giáp đường đi Gò Lao		1,500			185	277,500	
<b>IX</b>	<b>Xã Mỹ Phong</b>		<b>0,290</b>	<b>0,000</b>	<b>0,520</b>		<b>142,050</b>	
1	Mở rộng đường BTXM từ Quốc lộ 1 A đến hết trường THCS Mỹ Phong chiều dài: 290m.		0,290			185	53,650	
2	Sửa chữa đường BTXM từ Quốc lộ 1 A đi Phước Thung chiều dài: 520m.				0,520	170	88,400	
<b>X</b>	<b>Xã Mỹ Thọ</b>		<b>2,996</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>554,260</b>	
1	Mở rộng tuyến đường BTXM từ cầu Nhà Sen đến trạm kiểm lâm		1,996			185	369,260	
2	Mở rộng tuyến đường BTXM từ Trường THCS đến Cầu Đu		1,000			185	185,000	

**PHỤ LỤC 5**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÙ CÁT**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (tấn/km)	Lượng xi măng hỗ trợ (tấn)	Ghi chú
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)			
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,100</b>	<b>4,096</b>		<b>1.158,32</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Cát Lâm</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,075</b>		<b>352,75</b>	
1	Tuyến đường từ ĐT 634 ( UBND xã Cát Lâm ) đến chợ Cát Lâm				0,475	170	80,75	ĐX
2	Từ nhà ông Bộ ( ĐT 634 ) đến đập Cây Gai )				1,600	170	272,00	
<b>II</b>	<b>Xã Cát Tài</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,100</b>	<b>0,000</b>		<b>22,00</b>	
1	Từ ĐT 633 đến chợ Chánh Danh			0,100			22,00	
<b>III</b>	<b>Xã Cát Chánh</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,000</b>	<b>0,000</b>		<b>440,00</b>	
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Chánh (Tuyến từ cổng Tân Hùng đến trục 4 Chánh Hữu)			1,000		220	220,00	ĐX
2	Đường BTXM GTNT xã Cát Chánh (Tuyến từ Trường Tiểu học đến cầu xóm Đăng Chánh Hữu)			0,900		220	198,00	ĐX
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Chánh (Tuyến từ ĐT.640 đến cầu Sáu Ngang)			0,100		220	22,00	
<b>IV</b>	<b>Xã Cát Hải</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,556</b>		<b>94,52</b>	
1	Tuyến nối đường Cây Thị - Biển				0,556	170	94,52	
<b>V</b>	<b>Xã Cát Nhơn</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>1,465</b>		<b>249,05</b>	
1	Ngõ kiệt qua đi thôn Chánh Mẫn				0,245	170	41,65	ĐX

2	Dốc bà Lữ đi Nhơn Phong				0,570	170	96,90	ĐX
3	Dốc nhà Loan đi lên chợ Đình Chánh Mãn				0,300	170	51,00	ĐX
4	Trạm điện Đại Hào đi thôn An Nông				0,350	170	59,50	ĐX

**PHỤ LỤC 6**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)			
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,516</b>	<b>28,613</b>	<b>3,730</b>	<b>1,632</b>		<b>12.770,28</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Nhơn Hạnh</b>	<b>0,516</b>	<b>2,935</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.401,04</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước và bó vỉa tuyến đường từ Cầu Mương Tre đến Cầu Mười Thướt	0,516				440	227,04	
2	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước và bó vỉa tuyến đường từ Cầu Chữ Y đến Cuối Chợ Nhơn Thiện		0,235			400	94,00	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ giáp đường ĐT631 (Cầu Chữ Y đi Cầu Bà Trinh)		2,700			400	1.080,00	
<b>II</b>	<b>Xã Nhơn Phúc</b>		<b>2,770</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.108,00</b>	
1	Đường ĐT 638 đến trường Tiểu học Thái Thuận		0,300			400,0	120,00	
2	Cống 8 Hân đến trường Tiểu học Thái Thuận		0,880			400,0	352,00	
3	ĐT 638 đến Gò Chặt thôn Nhơn Nghĩa Đông		0,820			400,0	328,00	
4	Cầu Phụ Ngọc đến cây xăng Phụ Ngọc		0,420			400,0	168,00	



5	ĐT 636 Nhà Ánh Hồng đến HTX Nông Nghiệp		0,350			400,0	140,00
<b>III</b>	<b>Xã Nhơn Lộc</b>		<b>2,763</b>	<b>0,000</b>	<b>1,172</b>		<b>1.304,44</b>
1	Nhà Bùi Thế Dân đến cầu Bà Có		1,287			400,0	514,80
2	Cầu Gò Lao đến Nhơn Tân		1,476			400,0	590,40
3	Nhà Lê Thị Điều đến Nhà Thiệu Văn Minh				0,070	170,0	11,90
4	Nhà Bùi Hiếu Dũng đến Nhà Thiệu Vĩnh Đức				0,032	170,0	5,44
5	Cổng làng Nghè Rượu Bầu đá đến Nhà Nguyễn Đợi				0,700	170,0	119,00
6	Nhà Hồ Thị Hạnh đến Nhà Lê Văn Hùng				0,370	170,0	62,90
<b>IV</b>	<b>Xã Nhơn Thọ</b>		<b>3,010</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.204,00</b>
1	Bê tông xi măng tuyến từ Quốc Lộ 19 đến ngã tư Tây Viên-Cầu Suối Dài- giáp Tái định cư Khu Công nghiệp Nhơn Hòa		3,010			400,0	1.204,00
<b>V</b>	<b>Xã Nhơn Tân</b>		<b>1,700</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>680,00</b>
1	Tuyến từ Quốc lộ 19 đi Cầu Phúc Hậu - Nam Tượng 3		1,100			400,0	440,00
2	Tuyến từ Quốc lộ 19 đi Xuân Điền - Nam Tượng 1		0,600			400,0	240,00
<b>VI</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>		<b>1,795</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>718,00</b>
1	Tuyến đường liên thôn Tân Đức		0,875			400	350,00
2	Từ cây xăng đến nhà bà Đào (Tân Nghi)		0,920			400	368,00
<b>VII</b>	<b>Xã Nhơn Khánh</b>		<b>4,240</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.696,00</b>
1	Đường trục thôn Khánh Hòa		0,460			400,0	184,00
2	Đường trục thôn xóm 6		0,440			400,0	176,00
3	Đường trục thôn Hiếu An		0,670			400,0	268,00
4	Đường trục thôn An Hòa		1,170			400,0	468,00

5	Đường trục thôn xóm 12 An Hòa		1,080			400,0	432,00	
6	Đường trục xóm 2 An Hòa		0,420			400,0	168,00	
<b>VIII</b>	<b>Xã Nhơn Hậu</b>		<b>2,300</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>920,00</b>	
1	Tuyến đường Công làng nghề bún tươi Ngãi Chánh - khu QHDC Ngãi Chánh 4		1,000			400	400,00	
2	Tuyến nhà ông Tùng- Hai voi đá		1,300			400	520,00	
<b>IX</b>	<b>Phường Bình Định</b>		<b>1,200</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>480,00</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thúc Kháng		1,200			400	480,00	
<b>X</b>	<b>Phường Đập Đá</b>		<b>3,430</b>	<b>1,310</b>	<b>0,000</b>		<b>1.660,20</b>	
1	Tuyến đường Nguyễn Lữ		0,600			400,0	240,00	
2	Tuyến đường Nguyễn Lữ			0,110		220,0	24,20	
3	Tuyến đường Đô Đốc Mưu		0,420			400,0	168,00	
4	Tuyến đường Bùi Thị Xuân		0,750			400,0	300,00	
5	Tuyến đường Ngô Thì Nhậm			0,250		220,0	55,00	
6	Tuyến đường Nguyễn Bá Huân			0,950		220,0	209,00	
7	Tuyến đường Ngô Văn Sở		1,150			400,0	460,00	
8	Tuyến đường Đô Đốc Bảo		0,350			400,0	140,00	
9	Tuyến đường đường Trần Quang Diệu		0,160			400,0	64,00	
<b>XI</b>	<b>Phường Nhơn Hưng</b>		<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,460</b>		<b>78,20</b>	
1	Sửa chữa đường bê tông xi măng Hòa Cư				0,460	170,00	78,20	
<b>XII</b>	<b>Phường Nhơn Thành</b>		<b>1,100</b>	<b>1,500</b>	<b>0,000</b>		<b>770,00</b>	
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường Trương Hán Siêu đoạn từ nhà ông Minh đến ngã ba nhà ông Tuấn (KV Tiên Hội)		0,300			400,0	120,00	

2	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ nhà ông Khả Lễ đến nhà trụ sở KV Tiên Hội (KV Tiên Hội)		0,300			400,0	120,00	
3	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường đi Chánh Mẫn Cát Nhơn - Phù Cát đoạn từ nhà ông Sanh đến giáp Chánh Mẫn Cát Nhơn			1,500		220,0	330,00	
4	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ Hạp tác xã Nông nghiệp 2 Nhơn Thành đến Bờ vườn Đạo		0,500			400,0	200,00	
<b>XIII</b>	<b>Phường Nhơn Hòa</b>		<b>1,370</b>	<b>0,920</b>	<b>0,000</b>		<b>750,40</b>	
1	Đường Yết Kiêu		0,170			400	68,00	
2	Tuyến đường từ Quốc lộ 19 đi Gò Phai			0,920		220	202,40	
3	Đường Trần Nguyên Hãn		1,200			400,0	480,00	

**PHỤ LỤC 7**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY PHƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tuyến đường	Quy mô				Định mức xi măng (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (km)	Loại B (Km)		
<b>Tổng cộng</b>			<b>14,270</b>	<b>2,050</b>	<b>5,532</b>		<b>5.585,25</b>
<b>I</b>	<b>Xã Phước Quang</b>		<b>1,355</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>542,00</b>
1	Tuyến Phục Thiện - Tri Thiện		0,640			400	256,00
2	ĐT 636 - cống ông Chày		0,715			400	286,00
<b>II</b>	<b>Xã Phước Hòa</b>		<b>0,692</b>	<b>0,605</b>	<b>1,355</b>		<b>640,25</b>
1	ĐT640 - Dốc ông Mạnh		0,490			400	196,00
2	ĐT640 - chợ Gò Bồi ( cũ )		0,202			400	80,80
3	Bình Lâm - Tân Mỹ			0,405		220	89,10
4	ĐT 640 - Kim Tây				0,435	170	73,95
5	Huỳnh Giản Bắc - Huỳnh Xa				0,620	170	105,40
6	Đường thôn Hữu Thành			0,200		220	44,00
7	Đường thôn Kim Đông				0,300	170	51,00
<b>III</b>	<b>Xã Phước Sơn</b>		<b>6,500</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>		<b>1.202,60</b>
1	ĐT 640 ( Kỳ Sơn ) đi Vinh Quang		3,280			145	475,60
2	ĐT 640 ( Xuân Phương ) đi Dương Thiện		3,22			400; 200	727,00
<b>IV</b>	<b>Xã Phước Nghĩa</b>		<b>1,488</b>	<b>0,000</b>	<b>0,350</b>		<b>537,91</b>
1	Tuyến cống ông Lục đến giáp ĐT 640 )		1,488			400; 200	478,41
2	Tuyến Ngõ ông Bàn đến Đá Vàng Hưng Sơn				0,350	170	59,50
<b>V</b>	<b>Thị trấn Tuy Phước</b>		<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>2,733</b>		<b>464,61</b>

1	QL 1A đến nhà Trương Thị Năm ( Mỹ Điền)				0,888	170	150,96
2	ĐT 640 đến Trung Tín 1				0,320	170	54,40
3	QL19 đến chùa Hương Quang ( Trung Tín 1)				0,272	170	46,24
4	QL 19 đến giáp Nhơn Phú				0,360	170	61,20
5	Cổng ông Giảng đến nhà ông Tiến ( Trung Tín 2)				0,510	170	86,70
6	Trần Thị Kỳ đến Võ Trứ ( Công Chánh )				0,383	170	65,11
<b>VI</b>	<b>Thị trấn Diêu Trì</b>		<b>0,075</b>	<b>1,445</b>	<b>0,174</b>		<b>377,48</b>
1	Đường Trần Cao Vân			0,555		220	122,10
2	Nguyễn Bình Khiêm			0,890		220	195,80
3	QL1A - Trần Cao Vân				0,174	170	29,58
4	Nhà bà Hiệp - Cây me		0,075			400	30,00
<b>VII</b>	<b>Xã Phước An</b>		<b>4,160</b>	<b>0,000</b>	<b>0,920</b>		<b>1.820,40</b>
1	Trụ sở UBND xã đến ngõ Đính		1,520				608,00
2	Cầu Quán Cẩm đến Ngõ Nhàn		2,640				1.056,00
3	Ngã 4 Đại Hội đến Cây Gạo				0,920		156,40

**PHỤ LỤC 8**

**DANH MỤC SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2020,  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂY SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tuyến đường	Chiều dài (km)				Định mức xi măng (tấn/km)	Lượng xi măng hỗ trợ (tấn)
		ĐH (Km)	ĐX (Km)	Loại A (Km)	Loại B (Km)		
<b>Tổng cộng</b>					<b>12,881</b>		<b>2.189,77</b>
<b>I</b>	<b>Xã Bình Nghi</b>				<b>5,577</b>		<b>948,09</b>
1	Đường từ Quốc lộ 19 đến đường xuống Khu dân cư xóm Trung				0,845	170	143,65
2	Đường từ thửa đất của ông Lê Văn Minh đến cổng nhà 9 Đát				0,493	170	83,81
3	Đường từ Quốc lộ 19 (nhà bốn Huru) đến ngã 3 nhà Văn Đắc Khả				0,475	170	80,75
4	Đường từ ngã 3 nhà Lâm Ênh đến chợ xóm Thanh				0,645	170	109,65
5	Đường từ Quốc lộ 19 (xóm Nam) đến đường xuống Gò Đo				0,796	170	135,32
6	Đường từ bầu điện đến nhà 7 Có				0,475	170	80,75
7	Đường từ ngã 3 nhà Văn Bá Tiên đến ngã 3 nhà Văn Trí				0,327	170	55,59
8	Đường từ ngã 3 nhà Nguyễn Thế Dũng đến ngã 3 Gồm xóm 4				0,204	170	34,68
9	Đường từ nhà Phạm Nề đến cầu Gò Củ				0,595	170	101,15
10	Đường từ Quốc lộ 19 (nhà 6 Bình) - ngã 3 Gò Găng				0,362	170	61,54
11	Đường từ trụ sở HTX Bình Nghi 2 đến nhà Văn Trọng Hóa				0,360	170	61,20
<b>II</b>	<b>Xã Tây Giang</b>				<b>7,304</b>		<b>1.241,680</b>

1	Đường từ Hồ Cây Me đến ngã ba đường Hữu Giang- Hà Nhe				2,550	170	433,50
2	Đường từ Dốc Tờ đến Đá Trãi				1,060	170	180,20
3	Đường từ Quốc lộ 19 đi Nam Giang				0,891	170	151,47
4	Đường từ Quốc lộ 19 đến nhà bà Tâm				2,163	170	367,71
5	Đường từ Quốc lộ 19 đến Trường TH số 2				0,080	170	13,60
6	Đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Lực				0,560	170	95,20